BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

THỜI KHÓA BIỂU TOÀN TRƯỜNG HỌC KỲ 01 NĂM HỌC 2024-2025

Đợt 5, từ ngày 07/10/2024 đến ngày 01/12/2024

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian	Phòng học
1	QH1301	(Lý thuyết) QH xây dựng (Điểm DC) nông thôn	2	Ghép_QH1301.2_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
2	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS	7/10 7/10	10/11 10/11	Đoàn Thị Hồng Lam	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 2. 01
3	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Hoàng Văn Tùng	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 01
4	XD3005	Cơ học kết cấu 1	2	Ghép_XD3005.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
5	XD3005.2	Cơ kết cấu 1	2	Ghép_XD3005.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
6	XD3005.1	Cơ kết cấu 1	2	XD3005.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Phạm Văn Trung	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 2. 02
7	KT0302	Cơ sở kiến trúc	3	KT0302_BS	7/10 7/10 7/10	1/12 3/11 1/12	Vương Hải Long	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	H 2. 03 H 9. 01 H 2. 03
8	DT1902.1	ĐA chuẩn bị kĩ thuật khu đất xây dựng P1	2	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
9	DT2116	ĐA CT Thu trạm bơm cấp thoát nước	2	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
10	QL5040.2	ĐA định mức và đơn giá trong XD	1	Ghép_QL5040.2_BS	7/10 7/10	1/12 24/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
11	QL5040.2	ĐA định mức và đơn giá trong XD	2	QL5040.2_BS	7/10 7/10	1/12 24/11	Nguyễn Thu Hương	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 2. 01 H 2. 06
12	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Phan Tự Hướng	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 5. 02
13	DT1845	Đồ án điều hòa không khí	2	DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11	(ĐT) Nguyễn Quốc Anh	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	H 2. 02 H 4. 02
14	DT2202	Đồ án Mạng lưới thoát nước	2	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
15	DT2120.1	Đồ án mạng lưới thoát nước đô thị	2	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
16	DT2202.1	Đồ án mạng lưới thoát nước đô thị	2	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
17	XD3107	Đồ án Nền và móng	1	XD3107_BS	7/10	17/11	Phạm Đức Cường	Thứ 4(T13-16)	H 2. 03
18	DT2012	Đồ án Tổ chức thi công công trình đô thị	1	Ghép_DT1845_BS	7/10 7/10	24/11 17/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T2-6)	
19	XD3214.2	Động đất và KC nhà cao tầng BTCT	2	XD3214.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12	Nguyễn Tất Tâm	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 02
20	QL5025	Hạch toán kế toán xây dựng	3	QL5025_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Lê Công Thành	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 03

21	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_BS1	4/11 4/11	1/12 1/12	Giang Thị Thu Hiền	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 2. 04
22	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_BS2	7/10 7/10	3/11 3/11	Đào Thu Thủy	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 04
23	XD3210	Kết cấu gạch đá	1	Ghép_XD3214.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
24	XD3305	Kết cấu gỗ	1	Ghép_XD3314.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
25	XD3313	Kết cấu tháp trụ thép	1	Ghép_XD3314.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
26	XD3311	Kết cấu thép nhà cao tầng	1	Ghép_XD3314.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
27	XD3314.2	Kết cấu thép và liên hợp nhà cao tầng	2	XD3314.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12	Mai Trọng Nghĩa	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 2. 05 H 9. 01
28	XD3013	Kết cấu và xây dựng 1	3	Ghép_XD3002_BS	7/10 7/10	17/11 10/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
29	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 05
30	XD3501.1	Kĩ thuật thi công 1	2	XD3501.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Nguyễn Trường Huy	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 2. 05
31	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS	7/10 7/10	10/11 10/11	Nguyễn Huy Cảnh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 2. 06
32	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS	7/10 7/10	10/11 10/11	Tạ Ánh Tuyết	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 3. 02 H 10. 04
33	NM0207	Lịch sử nghệ thuật	2	Ghép_MT8507_BS	7/10 7/10	1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
34	MT8507	Lịch sử nghệ thuật	2	MT8507_BS	4/11 4/11	1/12 1/12	Trần Thị Biển	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 2. 06
35	QH1602	Lịch sử phát triển đô thị	2	QH1602_BS	4/11 4/11	1/12 1/12	Lê Nhã Phương	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 3. 04
36	QH1301.2	Lý thuyết quy hoạch nông thôn	2	QH1301.2_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Lê Minh Ánh	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 3. 03 H 8. 01
37	QH1401.2	Lý thuyết thiết kế cảnh quan 1	2	QH1401.2_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Trần Vân Khánh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 3. 01
38	NNHH	Ngôn ngữ mô tả hình học	4	NNHH_BS	7/10 7/10	1/12 24/11	Lê Hương Giang	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 3. 04 H 7. 06
39	XD3011	Ổn định và động lực học công trình	2	XD3011_BS	4/11 4/11	1/12 1/12	Trương Mạnh Khuyến	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 3. 02
40	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_BS	7/10	3/11	Nguyễn Ngọc Quân	Thứ 4(T13-16)	H 3. 06
41	QL5519	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5519_BS	7/10 7/10	10/11 10/11	Hoàng Ngọc Phương	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 3. 01
42	QL4812	Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	3	QL4812_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Vũ Hoàng Điệp	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 4. 01
43	DT1928	Quản lý hệ thống hạ tầng kĩ thuật 1	3	Ghép_QL4812_BS	7/10 7/10	17/11 10/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
44	TH5218	Quản trị mạng máy tính	3	TH5218_BS	7/10 7/10	1/12 24/11	Lê Ngọc An (CNTT)	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	I.702
45	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Đào Ngọc Tiến	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 3. 02

46	NM8213	Tạo dáng công nghiệp	2	NM8213_BS	7/10 7/10	17/11 17/11	Nguyễn Thị Tâm	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 3. 05 H 7. 04
47	NM8201	Thiết kế nội thất 1	2	Ghép_NM8201_BS	7/10 7/10 7/10	1/12 3/11 1/12		Thứ 3(T13-16)Thứ 7(T8-11)Thứ 6(T13-16)	
48	NM8201	Thiết kế nội thất 1	3	NM8201_BS	7/10 7/10 7/10	1/12 3/11 1/12	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ 3(T13-16)Thứ 7(T8-11)Thứ 6(T13-16)	H 3. 05 H 6. 05 H 3. 05
49	NM8203	Thiết kế nội thất 3	2	Ghép_NM8203.1_BS	7/10 11/11 7/10	1/12 1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	
50	NM8203.1	Thiết kế nội thất 3	3	NM8203.1_BS	7/10 11/11 7/10	1/12 1/12 1/12	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	H 5. 04 H 8. 01 H 5. 04
51	NM8204	Thiết kế nội thất 4 (công trình công cộng 1)	2	Ghép_NM8203.1_BS	7/10 7/10 7/10	1/12 1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	
52	NM8205.1	Thiết kế nội thất 5	3	NM8205.1_BS	7/10 4/11 7/10	1/12 1/12 1/12	Lê Minh Chi	Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	H 5. 06 H 6. 05 H 5. 06
53	NM8205	Thiết kế nội thất 5 (công trình công cộng 2)	3	Ghép_NM8205.1_BS	7/10 4/11 7/10	1/12 1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	
54	NM8206	Thiết kế nội thất 6	3	Ghép_NM8205.1_BS	7/10 4/11 7/10	1/12 1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 7(T2-5)Thứ 5(T13-16)	
55	DT2101	Thuỷ lực 1	2	DT2101_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Nguyễn Bích Ngọc	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 3. 03
56	DT2102.1	Thuỷ lực 2	2	DT2102.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Nguyễn Minh Ngọc	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 4. 01 H 7. 01
57	DT2102	Thuỷ lực 2	2	Ghép_DT2102.1_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	
58	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS(NK)	7/10 7/10	3/11 3/11	Nguyễn Thị Hòa	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 3. 04
59	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Mai Lan Phương	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T7-10)	H 4. 02
60	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS1	7/10 7/10	1/12 24/11	Đặng Minh ANh	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 3. 05
61	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS2	7/10 7/10	1/12 24/11	Mai Lan Phương	Thứ 3(T13-15)Thứ 6(T13-15)	H 3. 03
62	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS1	7/10 7/10	1/12 24/11	Trần Thị Dung	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 3. 06
63	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS2	7/10 7/10	1/12 24/11	Hồ Phương Thảo	Thứ 3(T13-15)Thứ 6(T13-15)	H 3. 04
64	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS1	7/10 7/10	1/12 24/11	Nguyễn Thị Lam Giang	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 5. 03
65	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS2	7/10 7/10	1/12 24/11	Nguyễn Thị Vân Hà	Thứ 3(T13-15)Thứ 6(T13-15)	H 5. 04
66	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_BS3	7/10 7/10	1/12 24/11	Nguyễn Thị Vân Hà	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 4. 02
67	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS1	7/10 7/10	1/12 24/11	Phạm Lê Hoa	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 4. 03
68	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS2	7/10 7/10	1/12 10/11	Chu Anh Đạt	Thứ 3(T13-15)Thứ 6(T13-15)	H 3. 06
69	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS3	7/10 7/10	1/12 24/11	Trịnh Thị Thương	Thứ 3(T13-15)Thứ 6(T13-15)	H 4. 01

70	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS4	7/10 7/10	1/12 24/11	Bùi Thị Ngọc Thủy	Thứ 2(T13-15)Thứ 5(T13-15)	H 4. 04
71	NN3803	Tiếng Pháp chuyên ngành	2	NN3803_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Trần Ngọc Mai	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	Online
72	NN3801	Tiếng Pháp P1	3	NN3801_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Trần Ngọc Mai	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	Online
73	NN3800.2	Tiếng Pháp tăng cường P2	3	NN3800.2_BS	21/10 21/10	1/12 24/11	Trần Ngọc Mai	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	Online
74	TH4408	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4401_BS(K,Q)	7/10 7/10	17/11 10/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
75	TH4408.2	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4408_BS(QL)	7/10 7/10	17/11 10/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
76	TH4401B	Tin học ứng dụng	2	Ghép_TH4482_BS	21/10 21/10	1/12 24/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
77	TH4401	Tin học ứng dụng	2	TH4401_BS(K,Q)	7/10 7/10	17/11 10/11	Ngô Thanh Thảo	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	I.702
78	TH4408	Tin học ứng dụng	2	TH4408_BS(KX)	7/10 7/10	17/11 10/11	Trần Văn Tám	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	I.801
79	TH4408	Tin học ứng dụng	2	TH4408_BS(QL)	7/10 7/10	17/11 10/11	Dân Quốc Cương	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	I.802
80	TH4482	Tin học ứng dụng	2	TH4482_BS	21/10 21/10	1/12 24/11	Đàm Văn Thành	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	I.703
81	TH4415	Tin học ứng dụng ngành Kiến trúc 1	2	TH4415_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Ngô Thanh Thảo	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
82	XD3214	TK CT BTCT chịu tải trọng động đất (Tính toán CTBTCT)	1	Ghép_XD3214.2_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
83	XD3504.2	Tổ chức thi công	3	XD3504.2_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Phạm Minh Đức	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 5. 05
84	XD3504	Tổ chức và quản lý thi công	3	Ghép_XD3504.2_BS	7/10 7/10	17/11 10/11		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	
85	TC2604	Toán P2	3	TC2604_BS	7/10 7/10	17/11 10/11	Nguyễn Minh Châu	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 4. 02
86	NM8330	Tranh kính	2	NM8330_BS	7/10 7/10	17/11 17/11	Phạm Bảo Sơn	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 4. 03
87	CT3901.1	Triết học Mác - LêNin	3	CT3901.1_BS	7/10 7/10	1/12 24/11	Phạm Đình Khuê	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 4. 04
88	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_BS	7/10 7/10	10/11 10/11	Phạm Khánh Dư	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 4. 05
89	NM8022	Văn hóa Việt Nam	3	Ghép_MT85222_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
90	MT85222	Văn hóa Việt Nam	2	MT85222_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Đinh Quang Mạnh	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	H 4. 05
91	NM8022.2	Văn hóa Việt Nam.	2	Ghép_MT85222_BS	7/10 7/10	3/11 3/11		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)	
92	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_BS	7/10 7/10	17/11 17/11	Phạm Thanh Mai	Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	H 4. 06
93	XD2801	Vật liệu xây dựng P1	2	XD2801_BS	7/10 7/10	3/11 3/11	Hoàng Minh Đức	Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T8-11)	H 2. 04 H 11. 02

94	KT0103	Vẽ kỹ thuật	2	Ghép_KT0101.1_BS	4/11 4/11	1/12 1/12		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)	

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

KT. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TS. Vũ Đức Hoàng